

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bao gồm 11 tỉnh (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, Minh Hải, An Giang và Kiên Giang) có diện tích tự nhiên là 39.600 km² và dân số năm 1994 là 15,9 triệu người, chiếm khoảng 12% diện tích tự nhiên và 22% dân số cả nước, lớn hơn diện tích của Singapore (600 km²), Brunei (5.800 km²) và dân số đông nhất trong 8 vùng kinh tế của cả nước.

Lợi thế nổi bật của ĐBSCL là nằm vị trí có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhiệt đới, có khối lượng hàng hóa lớn vào bậc nhất so với các vùng khác, đặc biệt đang và sẽ là vựa lúa

91,1% GDP/người cả nước, bằng 45% GDP/người vùng Đông Nam Bộ.

Cơ cấu kinh tế vùng mang tính thuần nông, các ngành nông lâm thủy chiếm tỷ trọng còn cao, gần 48% GDP vùng, cao hơn mức trung bình cả nước và các vùng (trừ Tây Nguyên), các ngành công nghiệp và xây dựng còn nhỏ, chiếm chưa đến 20% GDP vùng.

Là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất của cả nước, nông nghiệp ĐBSCL đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, ổn định nền kinh tế. Cây lương thực giữ vai trò đặc biệt lớn bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, đóng góp gần nửa sản lượng lương thực và phần lớn kim ngạch xuất khẩu nông sản VN, đưa VN trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba trên thế giới. Năm



ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2010

lớn của nước ta. Vùng có hệ thống sông ngòi giàu phù sa, thuận lợi giao thông thủy và ra biển dễ dàng để giao lưu với các vùng trong nước và quốc tế, có vùng biển giàu nguồn lợi hải sản để phát triển ngành hải sản quy mô lớn nhất cả nước. Vùng nằm tiếp giáp với vùng Đông nam Bộ, một vùng phát triển mạnh mẽ công nghiệp, thị trường có nhu cầu lớn về lương thực - thực phẩm và nguyên liệu nông thủy sản cho công nghiệp chế biến, ngoài ra lại nằm gần các nước Đông Nam Á (Thái Lan, Singapore, Malaysia, Philippines, Indonesia...) là những thị trường đối tác đầu tư quan trọng.

Dân số ĐBSCL gồm phần lớn là người Kinh (92%), sau đó là người Khmer (6,1%), người Hoa (1,7%). Dân số đô thị hiện gần 3 triệu người, chiếm 19% dân số vùng, thấp hơn mức trung bình Nam Bộ (48%) và mức trung bình cả nước (21%), dân số nông thôn 12,8 triệu người, chiếm 81% dân số vùng. Mật độ dân số trên 400 người/km² (cả nước 219 người/km²). Dự báo năm 2010 dân số vùng sẽ trên 21 triệu người, nông thôn vẫn là nơi cư trú của gần 2/3 dân số vùng.

ĐBSCL là vùng có trình độ phát triển sản xuất chưa cao, quy mô kinh tế còn nhỏ, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chiếm gần 20% GDP cả nước, đứng thứ 3 sau vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ. Với nền sản xuất dựa chủ yếu vào nông nghiệp, ĐBSCL là một vùng có mức thu nhập thấp, bình quân GDP theo đầu người chỉ đạt 195 USD bằng

1995 sản lượng lúa đạt 14,1 triệu tấn, mía khoảng 3 triệu tấn, cây ăn trái khoảng 2,0 triệu tấn, heo khoảng 230.000 tấn, gia cầm khoảng 70.000 tấn... Thủy sản là thế mạnh của vùng, tổng sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 600.000 tấn, trong đó đánh bắt hải sản chiếm khoảng 14% sản lượng cả nước.

Công nghiệp chiếm vị trí trong nền kinh tế vùng còn nhỏ trên 16% GDP vùng. Khoảng 65% giá trị gia tăng công nghiệp vùng được tạo ra trong ngành chế biến lương thực - thực phẩm, song đại bộ phận là sản phẩm chế biến thô, chất lượng và hiệu quả hạn chế.

Xuất khẩu đã trở thành nhân tố tăng trưởng của các tỉnh ĐBSCL. Tổng kim ngạch xuất khẩu của vùng hàng năm khoảng 17% xuất khẩu cả nước, năm 1994 đạt khoảng 586 triệu USD. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu có gạo và hải sản, hàng năm xuất trên 50% lượng gạo xuất khẩu và gần 60% lượng tôm xuất khẩu của cả nước.

Tuy nhiên điều kiện hạ tầng cơ sở, nhất là về giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước... ở tình trạng yếu kém lại đang xuống cấp đã tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế vùng, Hệ thống giao thông thủy với kênh rạch chằng chịt (có tổng chiều dài 4.952 km), hệ thống giao thông đường bộ với 8 đường quốc lộ, các tỉnh lộ... (có tổng chiều dài 5.200 km) đang xuống cấp. Mạng lưới thông tin liên lạc được phát triển vươn ra tới nhiều nước trên thế giới, song còn bất cập so với yêu cầu phát triển. Cung cấp

PTS. PHƯƠNG NGỌC THẠCH



diện nước, nhà ở thấp hơn mức trung bình cả nước, chỉ có khoảng 50% đô thị có cấp nước tập trung, trong đó có 50 - 70% dân cư được dùng nước (khoảng 50 lít/người/ngày), 20% hộ nông thôn dùng nước máy và nước giếng và 24,4% số hộ nông thôn được dùng điện (cả nước 54,8%). Tỷ lệ nhà tạm, nhà trên các kênh rạch tương đối lớn, nhà ở tranh tre nứa lá chiếm tới 73%, lớn hơn mức trung bình cả nước.

Sau thời gian khá dài nền kinh tế vùng không tạo ra tích lũy, thời gian qua vùng đã tạo ra và tăng dần nguồn tích lũy. Trên 10% GDP vùng dành cho tích lũy. Tỷ lệ huy động ngân sách từ GDP vùng khoảng 10%, chiếm 9,2 - 12,2% nguồn thu cả nước, khoảng 20% chi ngân sách địa phương của vùng được dùng cho đầu tư.

Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân đã có cải thiện so với trước đây, GDP/người năm 1994 ở ĐBSCL là 195 USD. Theo kết quả điều tra mức sống trên phạm vi cả nước, khoảng 24% số hộ gia đình ở ĐBSCL được đánh giá là khá và giàu, 37% hộ gia đình có mức thu nhập dưới mức trung bình, số còn lại được xem là có mức thu nhập trung bình. Song 73% lao động làm việc trong nông nghiệp, nên mức thu nhập của vùng có thấp hơn cả nước (213 USD/người). Trình độ văn hóa giáo dục có chuyển biến, từng bước phát triển, song tỷ lệ người mù chữ trong độ tuổi lao động của ĐBSCL còn khá cao, chiếm 19,2%, cao hơn mức trung bình cả nước (16,5%) và nhiều vùng, tỷ lệ lao động kỹ thuật so với dân số trong độ tuổi lao động rất thấp, chiếm 3% (cả nước 10%). Tình hình sức khỏe và bệnh tật của nhân dân trong vùng không dễ dịch lớn, nguy hiểm xảy ra, một số bệnh có chiều hướng giảm. Song tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn ở mức cao 33%, số bác sĩ trên 1 vạn dân còn thấp (2,36 bác sĩ/10.000 dân).

Vùng ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế. Đến nay vùng có thể chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Những nhiệm vụ và mục tiêu đề ra cho triển vọng là rất to lớn, vùng không những phải đảm bảo có tốc độ tăng trưởng nhanh mà còn phải bảo đảm sự phát triển bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, tiếp tục đảm nhận vai trò số một đối với cả nước về sản xuất lương thực - thực phẩm, kết hợp tăng trưởng kinh tế với bảo vệ an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường. Sau đây là một số nét chủ yếu về kinh tế của vùng năm 2010.

Tốc độ tăng trưởng GDP trung

bình sẽ đạt 9% thời kỳ 1995 - 2000 và 11% thời kỳ 2001 - 2010; GDP/người năm 2010 khoảng 690 USD. Trong điều kiện thuận lợi nền kinh tế vùng có thể đạt tốc độ tăng khoảng 11% trong cả thời kỳ 1995 - 2010.

Chuyển đổi sâu sắc và toàn diện cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp. Công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm gần 80%, nông nghiệp trên 20%. Tỷ trọng lao động nông nghiệp còn trên 50% trong toàn bộ lao động xã hội.

Nông nghiệp bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, giữ vững vai trò vùng trọng sản xuất lương thực cho cả nước, hình thành nền nông nghiệp sinh thái "sạch" và phát triển toàn diện đa dạng, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm trên 37% giá trị gia tăng nông nghiệp. Năm 2010 sản lượng lúa đạt trên 18 triệu tấn, mía 4 - 5 triệu tấn, trái quả 4 triệu tấn, thủy hải sản đạt trên 1 triệu tấn...

Con đường đi lên của công nghiệp ĐBSCL có nhiều khó khăn, song để đi lên không có cách nào khác là phải đưa công nghiệp vùng phát triển. Công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm sẽ đạt khoảng 60% giá trị gia tăng công nghiệp, công nghiệp sử dụng nguyên liệu nhập ngoại và gia công, bao gồm công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp thép, công nghiệp cơ khí điện tử... sẽ chiếm khoảng 40% giá trị gia tăng công nghiệp. Các ngành công nghiệp có mức tăng trưởng cao là: dệt may da, chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng, cơ khí - điện tử, sắt thép... Vùng có đến 30 khu công nghiệp với diện tích khoảng 5.000 ha.

Khu vực dịch vụ sẽ phát triển cao, chiếm khoảng 44 - 45% GDP vùng. Xuất khẩu sẽ có tốc độ tăng trưởng bình quân cả thời kỳ 1995 - 2010 là 18 - 20%, đạt kim ngạch xuất khẩu 8,6 tỷ USD năm 2010. Du lịch vùng phát triển vượt bậc, trở thành vùng du lịch sinh thái sông nước, thu hút khoảng 6 - 6,2 triệu khách du lịch, trong đó khoảng 800 - 900 ngàn khách quốc tế...

Hạ tầng cơ sở phát triển, mạng lưới giao thông gồm đường thủy, đường bộ, đường không được nâng cấp và hoàn thiện, bảo đảm giao lưu thông suốt trong nước và ngoài nước, mạng lưới đó gồm 200 con sông, kênh với mật độ 0,68 km/km² và một hệ thống cảng, trong đó có 2 - 3 cảng nước sâu tiếp nhận tàu trọng tải lớn, gồm khoảng chục đường quốc lộ và các đường cấp tỉnh, với mật độ 0,5 km.km² cùng một hệ thống cầu, trong đó có cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền và cầu bắc qua sông Hậu, đường sá nông thôn phát triển, 2.300 cầu khỉ được xóa bỏ, gồm các sân bay Cần

Thơ, Phú Quốc, Rạch Giá, Cà Mau hoạt động nhộn nhịp phục vụ sự đi lại cho hành khách và xuất khẩu hàng tươi sống. Mạng lưới điện vùng hình thành, cung ứng đủ điện cho cả thành thị và nông thôn. Mạng thông tin hiện đại trên cả vùng, thông suốt đến xã, người dân. Cấp đủ nước sạch cho công nghiệp và dân cư, 100% dân số nông thôn được cấp nước sạch.

Các điểm dân cư từ nông thôn đến các đô thị gắn kết với nhau bởi các quan hệ kinh tế - xã hội. Nông thôn được đổi mới, hạ tầng cơ sở nông thôn phát triển, Mạng lưới đô thị gồm 100 đô thị phân bố tương đối đều, phát triển cả về diện tích lẫn dân số từ to đến nhỏ, trong đó thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế văn hóa khoa học kỹ thuật của vùng. Tỷ lệ đô thị hóa của vùng sẽ đạt khoảng 35%, dân số đô thị 7,4 triệu người năm 2010.

Nền kinh tế vùng đạt mức tích lũy tương đối cao, bền vững. Trong thời kỳ 1991 - 1994 mức tích lũy đầu tư nền kinh tế vùng đạt khoảng 10% GDP, theo đà phát triển kinh tế trong thời kỳ 1995 - 2000 đạt mức gần 12% GDP, chiếm trên 49% vốn đầu tư, tăng dần mức tích lũy lên gần 15,5% thời kỳ 2001 - 2010, chiếm trên 54% vốn đầu tư. Huy động ngân sách từ GDP trong thời kỳ 1995 - 2000 đạt gần 15% trong thời kỳ 2001 - 2010 đạt 22% GDP, dành đến 20% ngân sách chi cho đầu tư.

Mức sống dân cư tăng lên rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. GDP/người đạt khoảng 690 USD (giá 1994). Việc làm tăng đáng kể, diện thất nghiệp thu hẹp, tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ khoảng 50% tổng số lao động. Phổ cập cấp I vào năm 2000 và phổ cập cấp II ở các đô thị vào năm 2010, tỷ lệ lao động kỹ thuật đạt khoảng 30% so với tổng số lao động trong các ngành kinh tế quốc dân. Sức khỏe cộng đồng được cải thiện, tuổi thọ trung bình 70 tuổi, chiều cao thanh niên 1,7m, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5%, chất lượng dinh dưỡng bảo đảm.

Từ một vùng sản xuất nông nghiệp, điều kiện hạ tầng cơ sở, nhất là về giao thông, hệ thống cung cấp điện nước, thông tin liên lạc trong tình trạng yếu kém, trình độ dân trí thấp, lao động kỹ thuật rất thiếu, công nghiệp chưa phát triển, trong 15 năm tới (2010) vùng sẽ trở thành một vùng sản xuất công nghiệp, giữ vững vai trò đảm bảo an toàn lương thực cả nước, hạ tầng cơ sở tương đối phát triển, trình độ dân trí được nâng cao, lao động kỹ thuật chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng số lao động. Đây là mục tiêu và cũng là thách thức mà vùng phải vươn lên để thực hiện.

22 PHÁT TRIỂN KINH TẾ